

Số: 1679 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch của Bộ Giao thông vận tải
thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh,
giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải;

Căn cứ Thông báo số 35/TB-VPCP ngày 23/03/2023 của Văn phòng Chính phủ về triển khai Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Giao thông vận tải thực hiện Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng các Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHCN&MT (H.Lưu).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Anh Tuấn

**KẾ HOẠCH CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỰC HIỆN “CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VỀ CHUYỂN ĐỔI
NĂNG LƯỢNG XANH, GIẢM PHÁT THẢI KHÍ CÁC-BON
VÀ KHÍ MÊ-TAN CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI”**

(Kèm theo Quyết định số 1679 /BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. MỤC TIÊU

Thực hiện Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải (GTVT), nhằm hướng tới phát thải ròng về “0” vào năm 2050 bằng nguồn lực của quốc gia, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris.

II. NHIỆM VỤ

Danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án cụ thể thực hiện “Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành GTVT” tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và Kế hoạch này tổ chức triển khai, thực hiện, giám sát, đánh giá và định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GTVT.

- Xây dựng Kế hoạch huy động nguồn lực để kêu gọi tài trợ quốc tế đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án do cơ quan, đơn vị mình được giao chủ trì thực hiện tại các phụ lục kèm theo làm cơ sở huy động nguồn lực để triển khai, thực hiện.

2. Vụ Pháp chế

Chủ trì tổng hợp đề xuất đăng ký sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, đơn vị; lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan; tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét đưa vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của Bộ.

3. Vụ Vận tải

- Tham mưu thực hiện xây dựng các cơ chế chính sách quản lý hoạt động vận tải theo hướng giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng; phát triển vận tải hành khách công cộng bằng phương tiện sử dụng điện và năng lượng xanh tại các đô thị trong cả nước;

- Nghiên cứu, tham mưu lồng ghép chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư ứng dụng điện và năng lượng xanh, công nghệ thân thiện môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chính sách phát triển vận tải.

4. Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông (Vụ KCHTGT)

Chủ trì tham mưu xây dựng các cơ chế chính sách phát triển kết cấu hạ tầng trạm sạc điện, trạm cấp năng lượng xanh trên các tuyến cao tốc, quốc lộ chính yếu, mạng lưới đường bộ toàn quốc và trên các tuyến đường bộ kết nối các cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không.

5. Vụ Kế hoạch - Đầu tư

Đầu mối tham mưu xây dựng, kiến nghị các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm chuyển đổi sử dụng phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh trong GTVT.

6. Vụ Tài chính

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và cân đối kinh phí thường xuyên cho các đơn vị trực thuộc Bộ GTVT triển khai các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ có liên quan.

- Tham mưu xây dựng, kiến nghị các cơ chế, chính sách hỗ trợ tài chính nhằm chuyển đổi sử dụng phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh trong GTVT.

7. Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường (Vụ KH&MT)

- Chủ trì tham mưu việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh.

- Đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Bộ GTVT, các doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành GTVT.

- Đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp kết quả triển khai thực hiện theo yêu cầu của Lãnh đạo Bộ GTVT.

8. Vụ Hợp tác quốc tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường vận động tài trợ quốc tế hỗ trợ thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành GTVT;

- Tham mưu việc tham gia các diễn đàn, hội nghị, hội thảo quốc tế; các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài có chủ đề liên quan đến chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu trong GTVT.

9. Vụ Tổ chức cán bộ

- Tổng hợp đề xuất của các cơ quan, đơn vị về đào tạo chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành

GTVT để đưa vào kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo giai đoạn và hằng năm của Bộ.

- Tham mưu Lãnh đạo Bộ chỉ đạo các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ bổ sung nội dung về chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành GTVT vào chương trình đào tạo cho các học viên, sinh viên và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng công chức ngành GTVT.

10. Viện Khoa học và công nghệ GTVT (Viện KH&CN GTVT)

- Chủ động nghiên cứu các công nghệ xanh, ứng dụng năng lượng xanh trong ngành GTVT.

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng và hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến công nghệ xanh, ứng dụng năng lượng xanh trong ngành GTVT.

11. Viện Chiến lược và Phát triển GTVT (Viện CL&PT GTVT)

- Xây dựng Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

- Triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách liên quan tới chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan ngành GTVT.

12. Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ GTVT

- Chủ động xây dựng và thực hiện các chương trình lồng ghép nội dung về chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan ngành GTVT trong các chương trình đào tạo.

- Chủ động xây dựng và mở mới các chuyên ngành đào tạo về phương tiện, trang thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh phù hợp với nhu cầu thực tế.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

- Các nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thể chế, chính sách... kinh phí thực hiện được bố trí chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Các chương trình, nhiệm vụ, dự án về chuyển giao công nghệ xanh, giảm phát thải khí nhà kính, huy động tối đa sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris (sau đây gọi tắt là hỗ trợ quốc tế).

- Các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông xanh huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước, hỗ trợ quốc tế, huy động từ đầu tư tư nhân và đối tác công tư.

- Đầu tư mới, đầu tư chuyển đổi phương tiện, trang thiết bị GTVT sử dụng điện, năng lượng xanh huy động sự hỗ trợ quốc tế, các quỹ tài chính khí hậu, từ nguồn xã hội hóa, doanh nghiệp, người dân.

Phụ lục I

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN “CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VỀ CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG XANH, GIẢM PHÁT THẢI KHÍ CÁC-BON VÀ KHÍ MỀ-TAN CỦA NGÀNH GTVT”

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi 05 bộ luật, luật chuyên ngành GTVT và các văn bản dưới luật				
1.1	Rà soát, đề xuất sửa đổi Luật Giao thông đường bộ, Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ và các văn bản dưới Luật	2023 - 2030	Cục Đường bộ Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KCHTGT, Vụ KHCN&MT	NSNN
1.1.1	Đề xuất xây dựng các quy định về “quản lý, vận hành phương tiện giao thông điện và phát triển cơ sở hạ tầng sạc điện trên hệ thống đường giao thông đường bộ” vào Luật Đường bộ, Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ	2023 - 2026	Cục Đường bộ Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KCHTGT, Vụ KHCN&MT, Cục Đăng kiểm Việt Nam	NSNN
1.1.2	Cập nhật, sửa đổi Nghị định quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo “Kế hoạch hành động chuyển đổi phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch” và “Lộ trình dừng sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô, mô tô, xe gắn máy sử dụng xăng, dầu” do cơ quan có thẩm quyền ban hành	2023 - 2030	Cục Đường bộ Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ Vận tải, Vụ KHCN&MT, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ, ngành liên quan (Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	NSNN
1.1.3	Cập nhật, sửa đổi quy định quản lý phương tiện, thiết bị chuyên dùng phù hợp với “Kế hoạch hành động chuyển đổi phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch” và “Lộ trình dừng sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô, mô	2023 - 2030	Cục Đường bộ Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ Vận tải, Vụ KHCN&MT, Cục Đăng kiểm Việt Nam	NSNN

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
	tô, xe gắn máy sử dụng xăng, dầu” được ban hành				
1.2	Rà soát, đề xuất sửa đổi Luật Đường sắt và các văn bản dưới Luật	2023 - 2030	Cục Đường sắt Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT, Vụ KCHTGT	NSNN
1.3	Rà soát, đề xuất sửa đổi Luật giao thông Đường thủy nội địa và các văn bản dưới Luật	2023 - 2030	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT, Vụ KCHTGT	NSNN
1.3.1	Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện kinh doanh vận tải thủy nội địa trong đó tích hợp các nội dung liên quan đến chuyển đổi, sử dụng điện, năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon, khí mê-tan	2023 - 2030	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Các Cảng vụ thủy nội địa	NSNN
1.4	Rà soát, đề xuất sửa đổi Bộ Luật Hàng hải Việt Nam và các văn bản dưới Luật	2026 - 2030	Cục Hàng hải Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT, Vụ KCHTGT	NSNN
1.4.1	Nghiên cứu, tích hợp các nội dung, quy định và cam kết quốc tế liên quan đến chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh, giảm phát thải khí nhà kính trong quá trình sửa đổi Bộ Luật Hàng hải Việt Nam và các văn bản dưới Luật	2023 - 2030	Cục Hàng hải Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT, Vụ KCHTGT	NSNN
1.5	Rà soát, đề xuất sửa đổi Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, bổ sung nội dung: chuyển đổi phương tiện, trang thiết bị sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng điện, nhiên liệu bền vững trong hoạt động hàng không dân dụng Việt Nam	2026 - 2030	Cục Hàng không dân dụng Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải	NSNN
1.5.1	Đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư quy định	2024 - 2030	Cục Hàng không dân	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT,	NSNN

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
	quản lý nhiên liệu tiêu thụ và phát thải CO ₂ từ tàu bay trong hoạt động hàng không dân dụng, nội dung sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với tàu bay		dụng Việt Nam	Vụ Vận tải	
2	Xây dựng, hoàn thiện chiến lược, quy hoạch phát triển GTVT phục vụ chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh				
2.1	Xây dựng đề xuất mạng lưới hạ tầng sạc điện, hạ tầng cung cấp năng lượng xanh trên hệ thống đường bộ lập trong “Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”	2023 - 2025	Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam	Vụ KCHTGT, Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ KHCN&MT, Viện CL&PT GTVT	NSNN
2.2	Xây dựng đề xuất mạng lưới hạ tầng sạc điện, cung cấp năng lượng xanh tại các cảng thủy nội địa phù hợp quy hoạch kết cấu hạ tầng thủy nội địa	2025 - 2030	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ KCHTGT, Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ KHCN&MT, Viện CL&PT GTVT, các cảng thủy nội địa	NSNN
2.3	Xây dựng đề xuất mạng lưới hạ tầng sạc điện, cung cấp năng lượng xanh tại các cảng biển phù hợp quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam	2025 - 2030	Cục Hàng hải Việt Nam	Vụ KCHTGT, Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ KHCN&MT, Viện CL&PT GTVT, các Cảng biển	NSNN
2.4	Xây dựng đề xuất mạng lưới hạ tầng sạc điện, cung cấp năng lượng xanh tại các cảng hàng không phù hợp quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc	2025 - 2030	Cục Hàng không dân dụng Việt Nam	Vụ KCHTGT, Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ KHCN&MT, Viện CL&PT GTVT, các Cảng hàng không, sân bay	NSNN
2.5	Xây dựng chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2030, định hướng đến 2050	2024 - 2026	Viện CL&PT GTVT	Vụ Vận tải, Sở GTVT các tỉnh, thành phố	NSNN, HTQT
2.6	Kế hoạch chuyển đổi phương tiện giao thông	2023-2025	Cục Đường bộ Việt	Vụ Vận tải, Sở GTVT các tỉnh,	NSNN, HTQT

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
	điện quốc gia		Nam	thành phố	
3	Quy định về sử dụng hiệu quả năng lượng cho phương tiện giao thông				
3.1	Xây dựng quy định giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu cho phương tiện giao thông đường bộ	2023 - 2025	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Vụ Pháp chế, Cục Đường bộ Việt Nam	NSNN
3.2	Xây dựng quy định về sử dụng hiệu quả năng lượng cho phương tiện thủy nội địa	2025 - 2030	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Vụ KHCN&MT Vụ Vận tải, Vụ Pháp chế, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	NSNN
3.3	Xây dựng quy định về sử dụng hiệu quả năng lượng cho tàu biển hoạt động tuyến nội địa	2024 - 2028	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Vụ Pháp chế, Cục Hàng hải Việt Nam	NSNN
3.4	Xây dựng quy định về sử dụng hiệu quả năng lượng cho tàu bay hoạt động tuyến nội địa	2025 - 2030	Cục Hàng không dân dụng Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Vụ Pháp chế,	NSNN
4	Xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, hướng dẫn kỹ thuật cho hạ tầng và phương tiện phục vụ chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh				
4.1	Đề xuất xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức liên quan đến nhập khẩu, sản xuất, đóng mới và hoàn cải, chuyển đổi phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng điện, năng lượng xanh	2023 - 2030	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Vụ Pháp chế, Cục Đường bộ Việt Nam	NSNN
4.2	Cập nhật, sửa đổi QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ (bổ sung các mục liên quan tới	2023 - 2025	Cục Đường bộ Việt Nam	Cục Đăng kiểm Việt Nam, Vụ KHCN&MT, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương	NSNN, HTQT

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
	trạm sạc xe điện, dịch vụ sạc điện cho phương tiện điện)				
4.3	Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến nhập khẩu, sản xuất, đóng mới, chuyển đổi, hoán cải phương tiện GTVT đường sắt sử dụng điện, năng lượng xanh	2024 - 2030	Cục Đường sắt Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	NSNN
43.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và đề xuất danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn trong lĩnh vực đường sắt	2024 - 2026	Cục Đường sắt Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT, Cục Đăng kiểm Việt Nam,	NSNN
4.3.2	Xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia về pin lithium-ion sử dụng trên phương tiện giao thông đường sắt, trên cơ sở Quy định IEC 62928:2017	2024 - 2026	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Vụ KHCN&MT	NSNN
4.3.3	Xây dựng Bộ Tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống pin nhiên liệu sử dụng trên phương tiện giao thông đường sắt trên cơ sở Bộ tiêu chuẩn do Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế dự kiến ban hành năm 2024	2025 - 2030	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Vụ KHCN&MT	XHH
4.4	Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến nhập khẩu, sản xuất, đóng mới, chuyển đổi, hoán cải phương tiện GTVT đường thủy nội địa sử dụng điện, năng lượng xanh	2024 - 2030	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Doanh nghiệp kinh doanh vận tải thủy nội địa	NSNN
4.4.1	Bổ sung, sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đóng phương tiện thủy nội địa sử dụng pin lithium-ion để cung cấp năng lượng cho động cơ điện đẩy tàu	2024 - 2026	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế	NSNN

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
4.5	Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến nhập khẩu, sản xuất, đóng mới, chuyển đổi, hoán cải tàu biển tuyến ven biển sử dụng điện, năng lượng xanh	2023 - 2030	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Cục Hàng hải, Doanh nghiệp kinh doanh vận tải ven biển	NSNN
4.6	Xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn đối với hệ thống năng lượng mặt trời tại cảng hàng không, sân bay đảm bảo an toàn hàng không	2024 - 2030	Cục Hàng không dân dụng Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế, Các cảng hàng không, sân bay	NSNN
5	Xây dựng quy định, tiêu chí cho kết cấu hạ tầng giao thông “xanh”				
5.1	Xây dựng quy định, tiêu chí cho cảng thủy nội địa xanh	2024 - 2026	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ KCHTGT, Viện CL&PT GTVT, các Cảng vụ thủy nội địa, Doanh nghiệp cảng sông	NSNN
5.2	Xây dựng quy định, tiêu chí cho cảng hàng không xanh	2024 - 2026	Cục Hàng không dân dụng Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ KCHTGT, Viện CL&PT GTVT, các Cảng vụ hàng không, Doanh nghiệp cảng hàng không	NSNN
5.3	Xây dựng quy định, tiêu chí cho nhà ga đường sắt xanh	2024 - 2026	Cục Đường sắt Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ KCHTGT, Viện CL&PT GTVT, Tổng công ty đường sắt Việt Nam	NSNN
5.4	Xây dựng quy định, tiêu chí cho bến xe, trạm dừng nghỉ xanh	2024 - 2026	Cục Đường bộ Việt Nam, Cục đường Cao tốc	Vụ KHCN&MT, Vụ KCHTGT, Viện CL&PT GTVT, các Sở GTVT	NSNN
6	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các công trình hạ tầng giao thông, phương tiện chuyển đổi theo tiêu chí “xanh”				

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
6.1	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các cảng biển xây dựng mới và hiện hữu chuyển đổi theo tiêu chí “xanh”	2025 - 2030	Cục Hàng hải Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế, Viện CL&PT GTVT, Doanh nghiệp cảng biển	NSNN
6.2	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi tàu biển sử dụng năng lượng hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh	2024 - 2030	Cục Hàng hải Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế, Viện CL&PT GTVT, Doanh nghiệp vận tải biển	NSNN, HTQT
6.3	Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cảng thủy nội địa xây dựng mới và hiện hữu chuyển đổi theo tiêu chí “xanh”	2025 - 2030	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế, Viện CL&PT GTVT, doanh nghiệp Cảng thủy nội địa	NSNN, HTQT
6.4	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi tàu thủy sử dụng năng lượng hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh	2023 - 2030	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế, Viện CL&PT GTVT, DN vận tải thủy	NSNN, HTQT
6.5	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các cảng hàng không xây dựng mới và hiện hữu chuyển đổi theo tiêu chí “xanh”	2025 - 2030	Cục Hàng không dân dụng Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế, Viện CL&PT GTVT, Cảng hàng không	NSNN, HTQT
6.6	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các phương tiện hoạt động trong khu bay sử dụng điện, năng lượng xanh	2025 - 2030	Cục Hàng không dân dụng Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế, Viện CL&PT GTVT, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không	NSNN, HTQT

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
6.7	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các nhà ga đường sắt xây dựng mới và hiện hữu chuyển đổi theo tiêu chí “xanh”	2025 - 2030	Cục Đường sắt Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế, Viện CL&PT GTVT	NSNN, HTQT
6.8	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các bến xe, trạm dừng nghỉ xây dựng mới và hiện hữu chuyển đổi theo tiêu chí “xanh”	2025 - 2030	Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế, Viện CL&PT GTVT	NSNN, HTQT
6.9	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển đổi phương tiện giao thông đường bộ (taxi, xe buýt) sang sử dụng điện	2023 - 2030	Cục Đường bộ Việt Nam	Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ KHCN&MT, Vụ Pháp chế, Viện CL&PT GTVT, Sở GTVT các tỉnh, thành phố	NSNN, HTQT
7	Thực hiện chuyển đổi các công trình hạ tầng giao thông hiện hữu và xây mới đạt tiêu chí “xanh”				
7.1	Thí điểm mô hình cảng xanh tại một số cảng biển Việt Nam và đánh giá kết quả thực hiện	2023 - 2025	Cục Hàng hải Việt Nam	Các Cảng vụ hàng hải, Doanh nghiệp cảng biển Việt Nam	XHH, HTQT
7.2	Thí điểm chuyển đổi cảng thủy nội địa hiện hữu đạt tiêu chí “xanh”	2025 - 2027	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Các Cảng vụ đường thủy, Doanh nghiệp cảng sông	XHH, HTQT
7.3	Thí điểm chuyển đổi cảng hàng không hiện hữu đạt tiêu chí “xanh”	2025 - 2030	Cục Hàng không dân dụng Việt Nam	Các Cảng vụ hàng không, Doanh nghiệp CHK	XHH, HTQT
7.4	Rà soát, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp chuyển đổi trang thiết bị bốc, xếp tại các ga sang thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh	2026 - 2029	Cục Đường sắt Việt Nam	Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	NSNN, HTQT
7.5	Thí điểm lắp đặt trạm sạc xe điện tại các bến xe, trạm dừng nghỉ trên các quốc lộ	2023 - 2027	Cục Đường bộ Việt Nam	Công ty/Doanh nghiệp dịch vụ bến xe, trạm dừng nghỉ	XHH

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
7.6	Thí điểm lắp đặt trạm sạc xe điện tại các trạm dừng nghỉ trên các cao tốc	2023 - 2027	Cục đường Cao tốc Việt Nam	Công ty/Doanh nghiệp dịch vụ trạm dừng nghỉ	XHH
8	Nghiên cứu, phát triển, chuyển đổi công nghệ phương tiện, năng lượng, kết cấu hạ tầng xanh, giảm phát thải khí nhà kính, đặc biệt chú trọng công nghệ, công nghiệp hỗ trợ phát triển, bảo trì phương tiện, trang thiết bị GTVT sử dụng điện, năng lượng xanh; nghiên cứu công nghệ ITS trong quản lý, điều hành các lĩnh vực GTVT				
8.1	Đề xuất các chương trình nghiên cứu chuyển đổi công nghệ phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh	2023 - 2030	Vụ KHCN&MT	Viện KHCN GTVT, Viện CL&PT GTVT, các Cục quản lý chuyên ngành	NSNN, HTQT
8.2	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xanh, giảm phát thải khí nhà kính trong các dự án bảo trì công trình đường bộ, đường cao tốc	2023 - 2030	Cục Đường bộ Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Viện KHCN GTVT, Viện CL&PT GTVT	NSNN, HTQT
8.3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, hệ thống giao thông thông minh trong quản lý, điều hành mạng lưới đường bộ cao tốc	2023 - 2030	Cục Đường cao tốc Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Trung tâm CNTT, Viện KHCN GTVT, Viện CL&PT GTVT	NSNN, HTQT
8.4	Nghiên cứu, đánh giá thực trạng, xu hướng công nghệ và đề xuất giải pháp thí điểm chuyển đổi phương tiện đường sắt sang sử dụng điện, năng lượng xanh trên các tuyến đường sắt hiện tại	2024 - 2027	Cục Đường sắt Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Viện CL&PT GTVT Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	NSNN
8.5	Nghiên cứu chế tạo, lắp đặt thí điểm và đánh giá hiệu quả của thiết bị xử lý khí nhà kính trên đầu máy, toa xe phát điện trên đường sắt quốc gia	2025 - 2030	Cục Đường sắt Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	NSNN

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
8.6	Nghiên cứu, xây dựng, áp dụng phương án nâng cao năng lực vận tải công-te-nơ trên tuyến đường thủy nội địa Bắc Ninh - Hải Phòng.	2023 - 2028	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Vụ KHCN&MT, Vụ Vận tải, Viện CL&PT GTVT, Cảng vụ thủy nội địa Bắc Ninh, Hải Phòng, Doanh nghiệp kinh doanh vận tải thủy nội địa	NSNN, HTQT
9	Đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao nguồn nhân lực hiện có ngành GTVT sẵn sàng tiếp nhận chuyển giao, quản lý, khai thác, vận hành công nghệ mới về phương tiện, trang thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh và kết cấu hạ tầng xanh.				
9.1	Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo tổng thể về chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan theo các lĩnh vực: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không	2023 - 2030	Các trường thuộc Bộ GTVT	Vụ Tổ chức - Cán bộ, Viện CL&PT GTVT	NSNN
9.2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực của Bộ GTVT về chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan theo các lĩnh vực chuyên ngành (Chương trình đào tạo ngắn hạn trong nước và quốc tế, dựa theo nhu cầu của nguồn nhân lực thuộc Bộ)	2024 - 2030	Vụ Tổ chức - Cán bộ	Trường cán bộ quản lý GTVT, các trường Đại học, Học viện và Cao đẳng trực thuộc Bộ GTVT	NSNN, HTQT
9.3	Đào tạo nguồn nhân lực quản lý, khai thác, vận hành phương tiện điện (Chương trình chính quy, dài hạn theo các mã ngành bổ sung/mới)	2025 - 2050	Các trường thuộc Bộ GTVT	Vụ Tổ chức - Cán bộ	NSNN, HTQT
9.4	Tham mưu việc tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế; các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài có chủ đề liên quan đến	2024 - 2030	Vụ Hợp tác quốc tế	Các Cục quản lý chuyên ngành, Các Vụ, Viện, BQL, trường Đại học, Học viện, Cao đẳng thuộc	NSNN, HTQT

TT	Chương trình/nhiệm vụ	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Nguồn lực
	chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu trong GTVT			Bộ	
10	Xây dựng kế hoạch truyền thông và tổ chức truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về lộ trình, chính sách, lợi ích của chuyển đổi phương tiện, thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh.				
10.1	Xây dựng chiến lược truyền thông của Bộ GTVT về lộ trình, chính sách và lợi ích chuyển đổi phương tiện, thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh	2023 - 2025	Viện CL&PT GTVT	Các Cục chuyên ngành, Vụ KHCN&MT, Báo Giao thông, Trung tâm CNTT	NSNN, XHH
10.2	Xây dựng chương trình truyền thông của từng lĩnh vực: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không	2025 - 2027	Các Cục chuyên ngành	Vụ KHCN&MT, Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Báo Giao thông, Trung tâm CNTT	NSNN, XHH
10.3	Tổ chức truyền thông đến doanh nghiệp và người dân	2025 - 2035	Các Cục chuyên ngành	Vụ KHCN&MT, Báo giao thông, Trung tâm CNTT	NSNN, XHH

Phụ lục II**DANH MỤC DỰ ÁN TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI “CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG XANH,
GIẢM PHÁT THẢI KHÍ CÁC-BON VÀ KHÍ MÊ-TAN CỦA NGÀNH GTVT”**

TT	Tên dự án	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì/phối hợp	Kinh phí dự kiến (tỷ VNĐ)	Nguồn kinh phí dự kiến
1	Hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác vận hành 5.000km đường bộ cao tốc	2022 - 2030		906.894	NSNN, PPP
1.1	Chợ Mới - Bắc Kạn	2026 - 2030	Cục Đường cao tốc Việt Nam/Cục Đường bộ Việt Nam	2.017	NSNN
1.2	Hòa Liên - Túy Loan	2022 - 2025	Cục Đường cao tốc Việt Nam/Cục Đường bộ Việt Nam	2.113	NSNN
1.3	Biên Hòa - Vũng Tàu	2022 - 2025	Cục Đường cao tốc Việt Nam/Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Nai	17.837	NSNN
1.4	Vành đai 3 TP.Hồ Chí Minh	2022 - 2025	TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An/Cục Đường cao tốc Việt Nam	75.378	NSNN
1.5	Chơn Thành - Đức Hòa	2022 - 2025	Cục Đường cao tốc Việt Nam, Ban QLDA ĐHCN	2.293	NSNN
1.6	An Hữu - Cao Lãnh	2022 - 2025	Đồng Tháp, Tiền Giang/Cục Đường cao tốc Việt Nam	5.886	NSNN
1.7	Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	2022 - 2025	Sóc Trăng, Hậu Giang, Sóc	44.691	NSNN

TT	Tên dự án	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì/phối hợp	Kinh phí dự kiến (tỷ VNĐ)	Nguồn kinh phí dự kiến
			Trăng/Cục Đường cao tốc Việt Nam		
1.8	Nối TP. Hà Giang với Nội Bài - Lào Cai	2022 - 2025	Cục Đường cao tốc Việt Nam/Cục Đường bộ Việt Nam	8.737	NSNN
1.9	Cao tốc Hà Giang - Tuyên Quang (GD1), đoạn qua tỉnh Hà Giang	2022 - 2025	Hà Giang/Cục Đường cao tốc Việt Nam	6.800	NSNN
1.10	Cao tốc Hà Giang - Tuyên Quang (GD1), đoạn qua tỉnh Tuyên Quang	2022 - 2025	Tuyên Quang/Cục Đường cao tốc Việt Nam	3.198	NSNN
1.11	Hòa Bình - Mộc Châu	2022 - 2025	Sơn La, Hòa Bình/Cục Đường cao tốc Việt Nam	3.790	NSNN
1.12	Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật	2022 - 2025	Cục Đường cao tốc Việt Nam/Cục Đường bộ Việt Nam	21.935	NSNN
1.13	Mỹ An - Cao Lãnh	2022 - 2025	Cục Đường cao tốc Việt Nam/Cục Đường bộ Việt Nam	4.771	ODA
1.14	Cao Lãnh - Lộ Tẻ (nâng cấp lên cao tốc)	2022 - 2025	Cục Đường cao tốc Việt Nam/Cục Đường bộ Việt Nam	950	NSNN
1.15	Lộ Tẻ - Rạch Sỏi (nâng cấp lên cao tốc)	2022 - 2025	Cục Đường cao tốc Việt Nam/Cục Đường bộ Việt Nam	6.355	NSNN

TT	Tên dự án	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì/phối hợp	Kinh phí dự kiến (tỷ VNĐ)	Nguồn kinh phí dự kiến
1.16	CK Hữu Nghị - Chi Lăng	2022 - 2025	Lạng Sơn/Cục Đường cao tốc Việt Nam	10.620	PPP
1.17	Dầu Giây - Tân Phú	2022 - 2025	Cục Đường cao tốc Việt Nam/Cục Đường bộ Việt Nam	8.365	PPP
1.18	Tân Phú - Bảo Lộc	2022 - 2025	Lâm Đồng/Cục Đường cao tốc Việt Nam	17.200	PPP
1.19	Bảo Lộc - Liên Khương	2022 - 2025	Lâm Đồng/Cục Đường cao tốc Việt Nam	19.521	PPP
1.20	Gia Nghĩa - Chơn Thành	2022 - 2025	Bình Phước/Cục Đường cao tốc Việt Nam	25.571	PPP
1.21	TP. HCM - Mộc Bài	2022 - 2025	TP. HCM/Cục Đường cao tốc Việt Nam	16.729	PPP
1.22	Dự án cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình	2022 - 2025	Thái Bình/Cục Đường cao tốc Việt Nam	15.419	PPP
1.23	Đồng Đăng - Trà Lĩnh	2022 - 2025	Cao Bằng/Cục Đường cao tốc Việt Nam	13.174	PPP
1.24	Vành đai 4 - Hà Nội	2022 - 2025	Hà Nội/Cục Đường cao tốc Việt Nam	56.536	PPP
1.25	TP.HCM - Chơn Thành	2022 - 2025	Bình Dương/Cục Đường cao tốc Việt Nam	17.300	PPP

TT	Tên dự án	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì/phối hợp	Kinh phí dự kiến (tỷ VNĐ)	Nguồn kinh phí dự kiến
1.26	Cam Lộ - Lao Bảo	2022 - 2025	Quảng Trị/Cục Đường cao tốc Việt Nam	7.938	PPP
1.27	Gò Dầu - Xa Mát	2022 - 2025	Tây Ninh/Cục Đường cao tốc Việt Nam	6.226	PPP
1.28	Vành Đai 4 - TP.HCM	2022 - 2025	TP. HCM, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Long An/Cục Đường cao tốc Việt Nam	107.057	PPP
1.29	Mộc Châu - Sơn La	2026 - 2030	Sơn La/Cục Đường cao tốc Việt Nam	12.600	NSNN
1.30	Phú Thọ - Chợ Bến	2026 - 2030	Phú Thọ, Hà Nội, Hòa Bình/Cục Đường cao tốc Việt Nam	12.180	PPP
1.31	Vành đai 5 - Hà Nội	2026 - 2030	Hà Nội, Hòa Bình, Hà Nam, Thái Bình, Hải Dương, Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc/Cục Đường cao tốc Việt Nam	57.120	NSNN
1.32	Vinh - Thanh Thủy	2026 - 2030	Nghệ An/Cục Đường cao tốc Việt Nam	17.850	(1)
1.33	Hà Tiên - Rạch Giá	2026 - 2030	Kiên Giang/Cục Đường cao tốc Việt Nam	26.500	PPP

TT	Tên dự án	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì/phối hợp	Kinh phí dự kiến (tỷ VNĐ)	Nguồn kinh phí dự kiến
1.34	Ngọc Hồi (Kon Tum) - Pleiku (Gia Lai)	2026 - 2030	Kon Tum, Gia Lai/Cục Đường cao tốc Việt Nam	18.900	PPP
1.35	Pleiku (Gia Lai) - Buôn Ma Thuật (Đắk Lắk)	2026 - 2030	Gia Lai, Đắk Lắk/Cục Đường cao tốc Việt Nam	33.600	PPP
1.36	Buôn Ma Thuật (Đắk Lắk) - Gia Nghĩa (Đắk Nông)	2026 - 2030	Đắk Lắk, Đắk Nông/Cục Đường cao tốc Việt Nam	22.050	PPP
1.37	Đức Hòa - Thanh Hóa - Mỹ An	2026 - 2030	Long An, Đồng Tháp/Cục Đường cao tốc Việt Nam	19.610	NSNN
1.38	Nha Trang - Liên Khương	2026 - 2030	Khánh Hòa, Lâm Đồng/Cục Đường cao tốc Việt Nam	23.800	ODA
1.39	Quy Nhơn - Pleiku	2026 - 2030	Bình Định, Gia lai/Cục Đường cao tốc Việt Nam	54.000	PPP
1.40	Pleiku - Lệ Thanh	2026 - 2030	Gia Lai/Cục Đường cao tốc Việt Nam	10.500	NSNN
2	Chuyển đổi, thay thế 244 đầu máy, 80 toa xe phát điện sang sử dụng điện, năng lượng xanh	2031 - 2050	Bộ GTVT/Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	12.420	NSNN, NN
2.1	Thực hiện chuyển đổi, thay thế 244 đầu máy, 80 toa xe phát điện sang sử dụng điện, năng lượng xanh	2031 - 2050		12.420	NSNN, NN
3	Xây dựng mới 17 tuyến đường sắt quốc gia	2022 - 2050	Bộ GTVT/Bộ, ngành, UBND tỉnh/TP	738.742	NSNN, NN
3.1	Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân	2026 - 2030	Bộ GTVT, Hà Nội, Hải	6.000	NSNN, NN

TT	Tên dự án	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì/phối hợp	Kinh phí dự kiến (tỷ VNĐ)	Nguồn kinh phí dự kiến
			Dương, Quảng Ninh		
3.2	Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	2026 - 2050	Bộ GTVT, Hà Nội, Hải Phòng, Lào Cai	158.842	NSNN, NN
3.3	Biên Hòa - Vũng Tàu	2026 - 2050	Bộ GTVT, Biên Hòa, Bà Rịa Vũng Tàu	138.979	NSNN, NN
3.4	Hà Nội - Đồng Đăng	2031 - 2050	Bộ GTVT, Hà Nội, Lạng Sơn	65.209	NSNN, NN
3.5	Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh	2026 - 2050	Bộ GTVT, Hồ Chí Minh, Bình Phước	20.938	NSNN, NN
3.6	Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	2026 - 2050	Bộ GTVT, Hồ Chí Minh, Cần Thơ	172.200	NSNN, NN
3.7	Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ	2026 - 2050	Bộ GTVT, Hà Tĩnh, Quảng Bình	NA	NSNN, NN
3.8	Tháp Chàm - Đà Lạt	2026 - 2050	Bộ GTVT, Ninh Thuận, Lâm Đồng	12.248	NSNN, NN
3.9	Mỹ Thủy - Đông Hà - Lao Bảo	2031 - 2050	Bộ GTVT, Quảng Bình, Quảng Trị	16.623	NSNN, NN
3.10	Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Tây Nguyên)	2031 - 2050	Bộ GTVT, Đà Nẵng, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước	46.365	NSNN, NN
3.11	Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái	2031 - 2050	Bộ GTVT, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái	NA	NSNN, NN

TT	Tên dự án	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì/phối hợp	Kinh phí dự kiến (tỷ VNĐ)	Nguồn kinh phí dự kiến
3.12	Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long dài khoảng 37 km)	2031 - 2050	Bộ GTVT, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh	10.116	NSNN, NN
3.13	Hạ Long - Móng Cái	2031 - 2050	Bộ GTVT, Quảng Ninh	22.083	NSNN, NN
3.14	Vành đai phía Đông Thành phố Hà Nội: đoạn Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng - Thạch Lỗi	2025 - 2050	Bộ GTVT, Hà Nội	NA	NSNN, NN
3.15	Vành đai phía Tây Thành phố Hà Nội: đoạn Ngọc Hồi - Thạch Lỗi	2031 - 2050	Bộ GTVT, Hà Nội	NA	NSNN, NN
3.16	Thủ Thiêm - Long Thành	2026 - 2050	Bộ GTVT, Hồ Chí Minh, Đồng Nai	NA	NSNN, NN
3.17	Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh	2031 - 2050	Bộ GTVT, Hồ Chí Minh, Tây Ninh	NA	NSNN, NN
4	Nhánh đường sắt kết nối một số cảng biển (Nghị Sơn, Liên Chiểu, Cửa Lò, Chân Mây, Dung Quất, Vân Phong, Phan Thiết, Cà Ná, Cam Ranh, Thịnh Long...)	2022 - 2050	Bộ GTVT/Bộ, ngành, UBND tỉnh/TP	NA	NSNN, NN
4.1	Kết nối cảng Lạch Huyện, nhánh ra Đình Vũ	2026 - 2030	Bộ GTVT, Hải Phòng	NA	NSNN, NN
4.2	Cụm cảng khu vực Bắc Trung Bộ: Nghi Sơn, khôi phục đường xuống cảng Cửa Lò...	2031 - 2050	Bộ GTVT, Nghệ An, Hà Tĩnh	NA	NSNN, NN
4.3	Cụm cảng khu vực Trung Trung Bộ: Chân Mây, Liên Chiểu, Dung Quất...	2031 - 2050	Bộ GTVT, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Bình Thuận	16.579	NSNN, NN
4.4	Cụm cảng khu vực Nam Trung Bộ: Quy Nhơn (Nhơn Hội - Nhơn Bình), Vân Phong, Phan Thiết; khôi phục tuyến	2031 - 2050	Bộ GTVT, Bình Định, Khánh Hòa, Phan Thiết	30.395	NSNN, NN

TT	Tên dự án	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì/phối hợp	Kinh phí dự kiến (tỷ VNĐ)	Nguồn kinh phí dự kiến
	đường sắt từ ga Ngã Ba - cảng Cam Ranh (cảng Ba Ngòi cũ)				
4.5	Thành phố Nam Định - Thịnh Long và khu kinh tế Ninh Cơ	2031 - 2050	Bộ GTVT, Nam Định	7.291	NSNN, NN
5	Chuẩn bị và xây dựng 03 đoạn của tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (Hà Nội - Vinh, Vinh - Nha Trang, Nha Trang - Thành phố Hồ Chí Minh)	2022 - 2050	Bộ GTVT/Bộ, ngành, UBND tỉnh/TP	1.334.243	NSNN, NN
5.1	Hà Nội - Vinh	2027 - 2030	Bộ GTVT, Hà Nội, Nghệ An	350.000	NSNN, NN
5.2	Vinh - Nha Trang	2031 - 2045	Bộ GTVT, Nghệ An, Đà Nẵng, Khánh Hòa	883.878	NSNN, NN
5.3	Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang	2027 - 2035	Bộ GTVT, Hồ Chí Minh, Khánh Hòa	344.950	NSNN, NN
6	Nâng cấp 11 tuyến vận tải thủy nội địa chính trên toàn quốc	2022 - 2030	Bộ GTVT/Bộ, ngành, UBND tỉnh/TP	157.533	NSNN: 18% Ngoài NSNN: 82%
7	Hoàn thành việc cải tạo tỉnh không các cầu đường bộ - đường sắt cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia	2022 - 2030	Bộ GTVT/Bộ, ngành, UBND tỉnh/TP		
8	Đầu tư các cảng thủy nội địa trên các tuyến vận tải thủy trọng yếu	2022 - 2030	UBND tỉnh/TP, Bộ GTVT		
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường sau bến số 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc khu bến cảng Lạch Huyện, cảng biển Hải Phòng	2022 - 2030	UBND thành phố Hải Phòng	2.000	NSNN, XHH
10	Cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải và các bến cảng khu vực Nam Nghi Sơn	2022 - 2030	Bộ GTVT, Cục Hàng hải Việt Nam	NA	NSNN, XHH

TT	Tên dự án	Lộ trình thực hiện	Cơ quan chủ trì/phối hợp	Kinh phí dự kiến (tỷ VNĐ)	Nguồn kinh phí dự kiến
11	Thiết lập tuyến luồng công cộng vào các bến cảng khu vực Bắc Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2022 - 2030	UBND tỉnh Thanh Hóa	NA	NSNN, XHH
12	Cải tạo nâng cấp luồng Vũng Áng cho tàu 50.000 tấn (bao gồm cải tạo, nâng cấp đê chắn cát)	2022 - 2030	Bộ GTVT/Bộ, ngành, UBND tỉnh/TP	650	NSNN

Ghi chú:

(1) Huy động vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) Nhật Bản hoặc nguồn vốn hợp pháp khác

BTL: Xây dựng, Chuyển giao, Cho thuê

HTQT: Hợp tác quốc tế

NSNN: Ngân sách Nhà nước

NN: Nước ngoài

PPP: Hợp tác công tư

XHH: Xã hội hoá